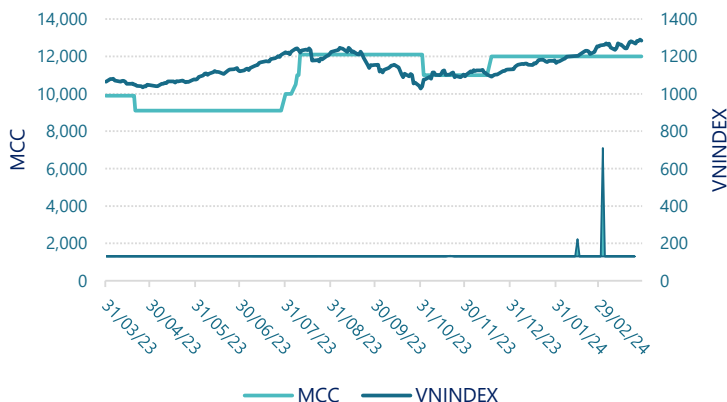




CTCP Gạch ngói Cao cấp (HNX: MCC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,100
SL cổ phiếu LH	4,986,124
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	60
P/E	-56.1
EPS	-214

DT thuần

Q1/24

3.45

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.03 | 42.5%

YoY: ▼ 1.12 | -24.5%

LN sau thuế

Q1/24

-1.03

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.74 | -255%

YoY: ▼ 1.22 | -642%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

5.1%

+/- YoY: ▼ 4.1%

DT thuần

2023

17.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 34.9 | -66.9%

LN sau thuế

2023

0.15

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 3.34 | -95.6%

ROE

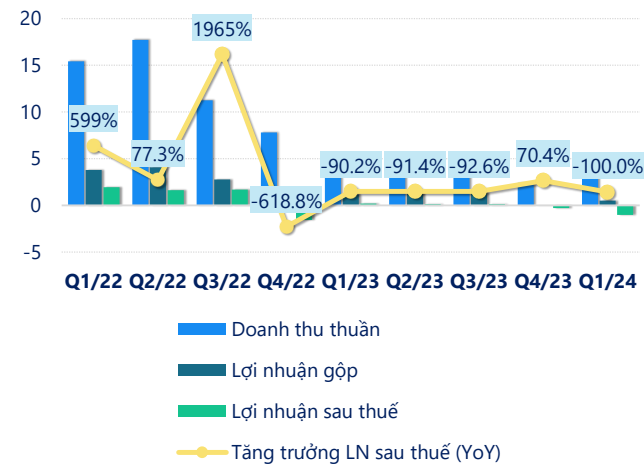
2023

0.2%

+/- YoY: ▼ 4.7%

tỷ VNĐ

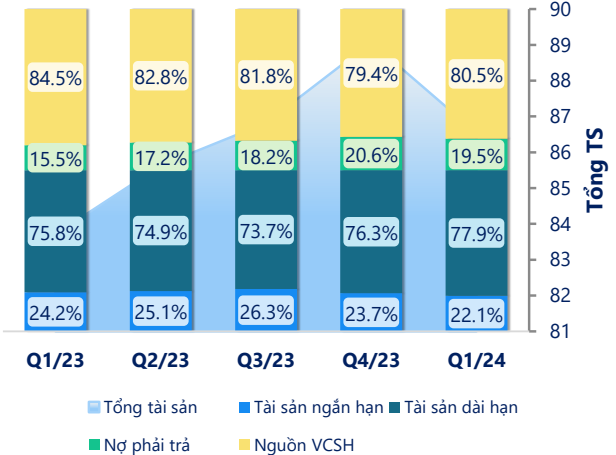
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

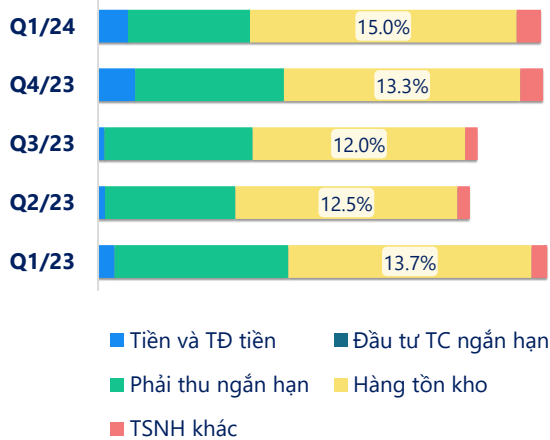
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



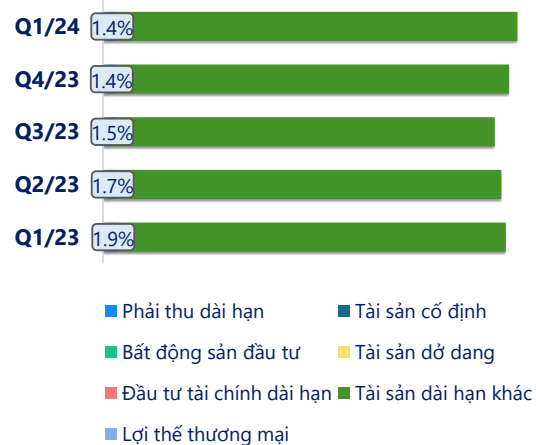
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

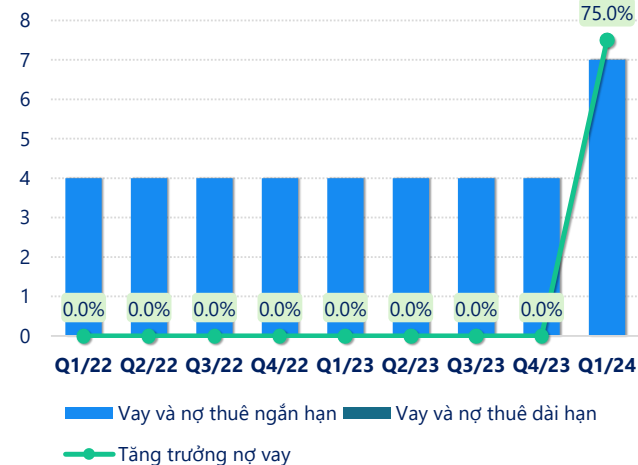
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

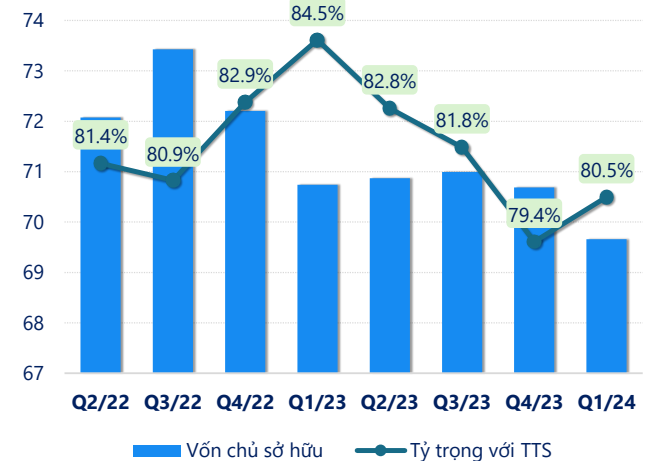
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

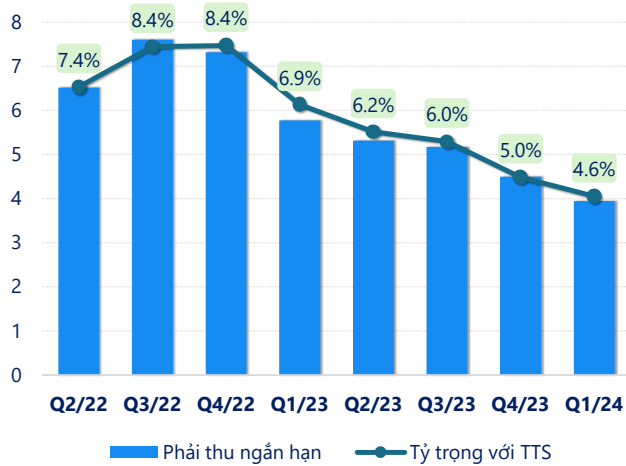
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



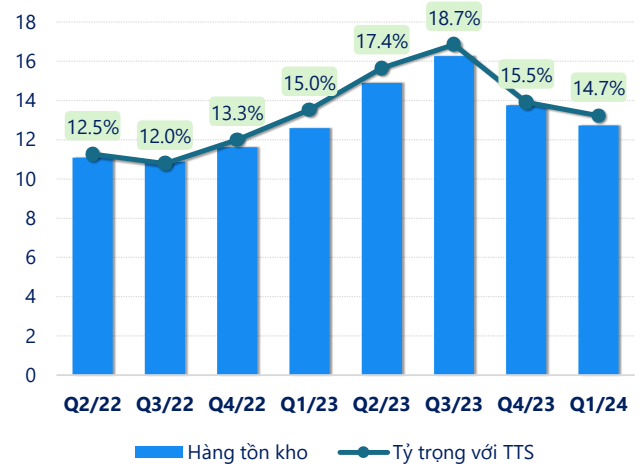
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


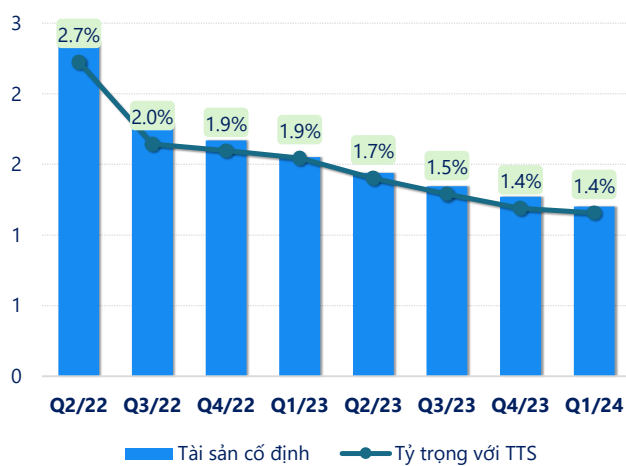
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


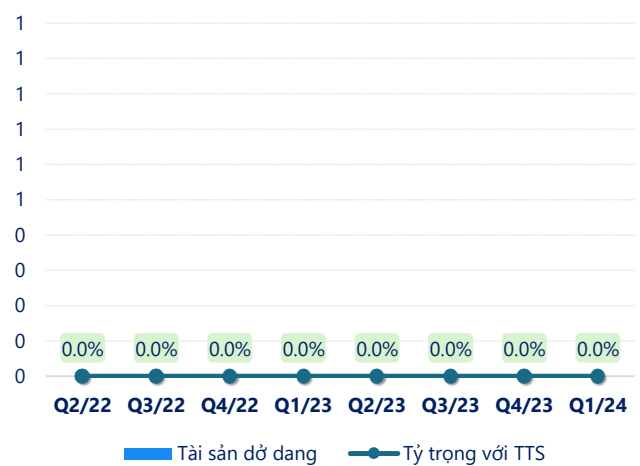
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

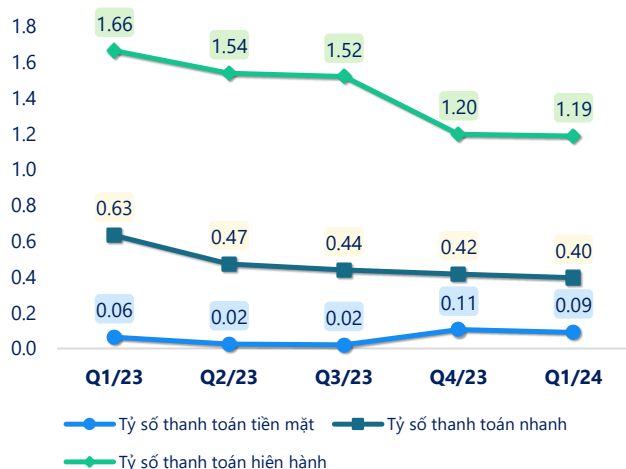
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

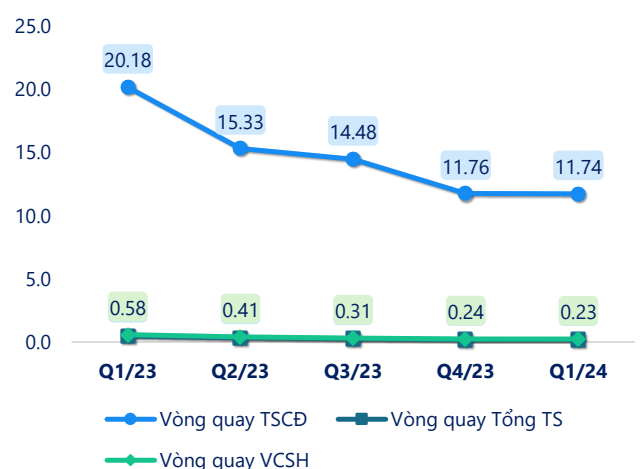
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	83.7	85.6	86.8	89.1	86.5
Tài sản ngắn hạn	20.3	21.5	22.8	21.1	19.1
Tiền và tương đương tiền	0.78	0.34	0.31	1.86	1.45
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	5.77	5.31	5.17	4.49	3.95
Hàng tồn kho	12.6	14.9	16.3	13.8	12.7
Tài sản ngắn hạn khác	1.15	0.95	1.11	0.95	0.96
Tài sản dài hạn	63.4	64.1	64.0	68.0	67.5
Phải thu dài hạn	0.85	0.85	0.85	0.85	0.92
Tài sản cố định	1.55	1.44	1.34	1.27	1.20
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	61.0	61.8	61.8	65.9	65.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	13.0	14.8	15.8	18.4	16.9
Nợ ngắn hạn	12.2	14.0	15.0	17.6	16.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.00	4.00	4.00	4.00	7.00
Phải trả người bán ngắn hạn	3.62	4.69	5.46	4.82	4.17
Nợ dài hạn	0.78	0.79	0.80	0.80	0.81
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	70.7	70.9	71.0	70.7	69.7
Vốn chủ sở hữu	70.7	70.9	71.0	70.7	69.7
Vốn điều lệ	50.2	50.2	50.2	50.2	50.2
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)